TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2025/DS-ST
Ngày: 17-9-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hậu và bà Phan Thị Yến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Phan Ý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 443/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Chí T, sinh năm 1986.

Cư trú: số 129/5 C, Khóm E, phường L, tỉnh An Giang; (có đơn xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ liên hệ: Số H, khóm T, phường L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Chí T trình bày:

Ngày 04/01/2023, nguyên đơn Huỳnh Chí T có cho hai vợ chồng bị đơn Bùi Văn T1 và Nguyễn Thị Kim C vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) với lãi suất 03%/tháng, thời gian vay 03 tháng. Đến nay ông T1 và bà C vẫn không chịu trả số tiền vay gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cũng như lãi vay cho ông T. Ông T đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng ông T1 và bà C đều né tránh.

Nay, ông Huỳnh Chí T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim Chi T2 cho ông Huỳnh Chí T số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);

2. Tính lãi suất 20%/năm đối với khoản vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày xét xử. Lãi suất tạm tính đến ngày 03/5/2025 là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Tổng tiền lãi và vốn tính đến ngày 03/5/2025 ông T1 và bà C phải trả cho ông T là 586.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu đồng).

- *Bị đơn ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt* không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/01/2023 đến ngày 17/9/2025, lãi suất 20%/năm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh giữa ông Huỳnh Chí T và ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản nên Toà án xác định quan hệ tranh chấp là :"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều

35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Huỳnh Chí T khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay 400.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 04/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là bản chính Biên nhận vay tiền ngày 03/01/2023 có chữ ký người vay tiền là Nguyễn Thị Kim C, Bùi Văn T1.

Theo Biên nhận vay tiền ngày 03/01/2023 có chữ ký người vay tiền là Nguyễn Thị Kim C, Bùi Văn T1 và nội dung thoả thuận việc vay tiền của ông Huỳnh Chí T. Do đó, có căn cứ để xác định giữa ông T và bà C, ông T1 có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 3%/tháng. Nhận thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà C, ông T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc, nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Do đó, việc bà C, ông T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên ông T khởi kiện để yêu cầu bà C, ông T1 có trách nhiệm trả 400.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 288 và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông T đối với số tiền vay 400.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất vay do hai bên thoả thuận thì: "*Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".* Theo đó, lãi suất theo thoả thuận ghi trong biên nhận vay tiền ngày 04/01/2023 là 3%/tháng bằng 36%/năm. Do đó, ông T yêu cầu được tính lãi suất 20%/năm đối với số tiền 400.000.000đồng từ ngày 04/01/2023 là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 04/01/2023 đến ngày 17/9/2025 là 987 ngày: 400.000.000đồng x 20%/365ngày x 987 ngày = 216.328.767đồng (Làm tròn là 216.329.000 đồng).

Như vậy, tổng cộng bà C, ông T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền là: 400.000.000đồng + 216.329.000đồng = 616.329.000 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng họ không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu,

chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp 28.653.160đ (Làm tròn 28.653.000đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Chí T được nhận lại 13.720.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003093 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 147; Điều 288; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 5; Điều 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Chí T đối với ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Chí T số tiền 616.329.000 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng), trong đó số tiền vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày 17/9/2025 là 216.329.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2025) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp 28.653.000 đồng (Hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Chí T được nhận lại 13.720.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003093 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Kiên